

BÁO CÁO

**Về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính
năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động TTHC

Trong năm 2018, không có Dự án, Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC, do đó không có cơ sở để thực hiện đánh giá tác động TTHC.

(Biểu số 01b/VPCP/KSTT tại Phụ lục đính kèm).

2. Thẩm định đối với dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC

Trong năm 2018, không có Dự án, Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC, do đó không có cơ sở để tham gia thẩm định.

(Biểu số 02c/VPCP/KSTT tại Phụ lục đính kèm).

3. Công bố, công khai TTHC

Trong năm 2018, trên cơ sở kết quả công khai công bố TTHC của các Bộ, ngành, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 48 Quyết định công bố Danh mục TTHC với 722 TTHC được áp dụng tại địa phương (trong đó ban hành mới 387 TTHC; sửa đổi, bổ sung 301, thay thế 34 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) trên địa bàn tỉnh; đồng thời, theo từng trường hợp cụ thể liên quan đến các Quyết định trên, địa phương cũng đã công khai công bố bãi bỏ 724 TTHC. Đồng hành với công bố TTHC, thường xuyên khai thác tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định.

(Biểu số 03b/VPCP/KSTT tại Phụ lục đính kèm).

4. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ 884.860 hồ sơ (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến), trong đó: Số hồ sơ mới tiếp nhận 847.751 hồ sơ, số hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang 37.109 hồ sơ.

- Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến): 871.985 hồ sơ đã giải quyết (trong đó: 868.272 hồ sơ giải quyết đúng hạn; 3.713 hồ sơ giải quyết quá hạn); 12.875 hồ sơ đang giải quyết (trong đó: 12.375 hồ sơ chưa đến hạn; 500 hồ sơ quá hạn).

(Kết quả giải quyết và nguyên nhân nêu cụ thể tại Biểu số 06đ/VPCP/KSTT, Biểu số 06g/VPCP/KSTT tại Phụ lục đính kèm). *Sinh*

Đến nay, hầu hết các sở ban, ngành, 11/11 UBND cấp huyện đã triển khai dịch vụ công trực tuyến; có trên 2400 thủ tục mức độ 1, mức độ 2; trên 500 thủ tục mức độ 3 và trên 80 thủ tục mức độ 4.

5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Trong năm 2018, tiếp tục thực hiện khai thác, sử dụng Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (nguoidan.chinhphu.vn). Trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống này có tiếp nhận 1 trường hợp ở xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ phản ánh, kiến nghị về thủ tục bổ sung hộ nghèo năm 2018 và đã được Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết theo quy định; đồng thời, báo cáo kết quả theo đúng yêu cầu của Văn phòng Chính phủ (Công văn số 2182/UBND-KSTT ngày 26/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh). Ngoài ra, không có trường hợp nào phản ánh, kiến nghị qua đơn thư hoặc qua số điện thoại chuyên dùng của Phòng Kiểm soát TTHC.

(Biểu số 05b/VPCP/KSTT tại Phụ lục đính kèm).

6. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Ngày 25/01/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND về phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh; từ đầu năm có 07 cơ quan đăng ký Kế hoạch rà soát, gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 03 TTHC quy định về lĩnh vực người có công; Sở Tài nguyên và Môi trường có 14 TTHC về lĩnh vực đất đai, biển, hải đảo, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường; Sở Giao thông vận tải có 23 TTHC về lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa; Sở Công Thương có 05 TTHC về lĩnh vực điện; Sở Xây dựng có 22 TTHC về lĩnh vực xây dựng, hoạt động nhà ở và công sở, hoạt động kinh doanh bất động sản; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 02 TTHC về lĩnh vực lâm nghiệp; Sở Văn hóa và Thể thao có 03 TTHC về lĩnh vực điện ảnh, văn hóa cơ sở. Đối với Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, có Tờ trình số 50/TTr- BQL ngày 17/8/2018 đăng ký rà soát 05 TTHC về lĩnh vực xây dựng; Sở Xây dựng có Tờ trình số 241/TTr-SXD ngày 03/10/2018 đăng ký rà soát 06 TTHC lĩnh vực hoạt động xây dựng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 251/TTr-SLĐTBXH ngày 31/10/2018 đăng ký rà soát 14 TTHC lĩnh vực người có công.

Qua kết quả rà soát, đến nay, hầu hết các sở, ngành nêu trên đều thực hiện đảm bảo nội dung và tiến độ theo yêu cầu kế hoạch; riêng Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát và đang trong quá trình xây dựng Phương án đề trình cấp thẩm quyền quyết định thông qua.

(Biểu số 04b/VPCP/KSTT tại Phụ lục đính kèm).

7. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; cập nhật, đăng tải các tin và văn bản chỉ đạo điều hành hoạt động kiểm soát TTHC trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện. Triển khai đảm bảo Kế hoạch và thực hiện thường xuyên các chuyên mục về CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC phát trên

kênh Truyền hình địa phương, chú trọng điển hình gương người tốt, việc tốt, cơ quan, đơn vị gương mẫu. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 3440/SNN-TCCB ngày 03/12/2018 đề nghị UBND cấp xã quan tâm, chỉ đạo Đài truyền thanh cơ sở tăng cường thời lượng phát thanh nhằm tuyên truyền đến bà con nông dân để biết, hiểu, nắm rõ về nội dung và quy trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC liên quan lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bưu điện văn hóa cấp xã.

8. Công tác kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Theo Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2018, Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát TTHC) đã tham gia phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra, trong đó tập trung về công tác kiểm soát TTHC trực tiếp tại 06 địa phương và 03 sở, ngành. Hiện nay, tiếp tục tiến hành kiểm tra đối với các đơn vị còn lại.

9. Nội dung khác

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và thông tin về kết quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: Quyết định số 4797/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 phê duyệt Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 07/01/2018 về kết quả rà soát biểu mẫu tính toán chi phí tuân thủ TTHC và cung cấp danh sách doanh nghiệp trong giai đoạn tính đến 6 tháng cuối năm 2017 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 Phê duyệt Phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh, Công văn số 3282 /UBND-KSTT ngày 8/6/2018 tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách về hoạt động kiểm soát TTHC; Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 phê duyệt Danh sách cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính 3 cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 về Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 4569/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, Xóa đăng ký thường trú, Hưởng chế độ tử tuất/ Hỗ trợ chi phí mai táng/ Hưởng mai táng phí” trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ và một số văn bản chỉ đạo có liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 về phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Quyết số 4223/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Hiện nay, đang tiếp tục tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đăng ký Danh mục TTHC, xây dựng Quy trình nội bộ, Quy trình điện tử và cử công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận và đề xuất giải quyết, trả hồ sơ TTHC tại Trung

tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (dự kiến Trung tâm đưa vào hoạt động chính thức trong Quý I năm 2019).

- Về thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 25/10/2018); đã ban hành Quyết định chuyển giao nhiệm vụ và biên chế tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ Sở Nội vụ sang Văn phòng UBND tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ (Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 14/12/2018) và đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg (Công văn số 7182/UBND-KSTT ngày 16/11/2018).

- Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát TTHC) đã phối hợp với Sở Nội vụ tập huấn nghiệp vụ CCHC và kiểm soát TTHC tại huyện Hoài Ân, huyện Vân Canh và một số đơn vị khác trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đảm bảo việc kiểm soát chất lượng hồ sơ trước khi quyết định công bố Danh mục, nội dung TTHC. Trong quá trình kiểm soát, có sự linh hoạt vận dụng điều kiện thực tế, đã góp ý chỉnh sửa dự thảo, đảm bảo hình thức, nội dung, chất lượng, hiệu quả; bên cạnh đó, cũng đã phát hiện nhiều hồ sơ còn sai sót, có trường hợp Quyết định công bố của Bộ, ngành chưa đảm bảo thành phần hồ sơ thực hiện TTHC và đã kịp thời có hướng kiến nghị để Bộ, ngành xem xét.

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO, ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp quản lý khoa học trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được mở rộng và có kết quả rõ nét, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC của tỉnh.

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện việc vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; vận hành và khai thác hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

- Kịp thời tham gia đề xuất góp ý các dự thảo, dự án theo yêu cầu của Chính phủ và các Bộ, ngành.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất và một số nhiệm vụ khác liên quan hoạt động kiểm soát TTHC.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong năm 2018, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã triển khai thực hiện tương đối đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; tích cực, chủ động và sáng tạo trong công tác kiểm soát chất lượng hồ sơ dự thảo trình công bố Danh mục TTHC theo kết quả công khai công bố TTHC của các Bộ, ngành; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc đề xuất xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế cần có giải pháp khắc phục đối với việc cập nhập và công bố các TTHC, bởi nhiều nguyên nhân: Do cơ quan chuyên môn chưa chủ động và chưa thật

sự tập trung đầu tư nghiên cứu xây dựng hồ sơ, do việc chậm trễ công khai kết quả công bố của một số Bộ, ngành; công tác rà soát, đánh giá các TTHC có chuyển biến, song hiệu quả chưa cao vì nhiều cơ quan chuyên môn còn thụ động trong việc rà soát, tham mưu, đề xuất xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC hoặc có tham mưu nhưng chưa đảm bảo điều kiện và các yếu tố cần thiết để thực thi; một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ; nhiều trường hợp báo cáo, nội dung chất lượng chưa cao, chưa sát, chưa đúng với yêu cầu; việc công khai niêm yết các TTHC có lúc, có nơi chưa cập nhật, điều chỉnh thay thế kịp thời theo quyết định công bố hiện hành; việc thực hiện giải quyết TTHC có lúc, có nơi còn chậm, chất lượng, hiệu quả chưa cao, nhất là các TTHC mang tính liên thông.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

- Triển khai và tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, quy định liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC, tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Tăng cường về nghiệp vụ trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

- Triển khai thực hiện “Đề án thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, Xóa đăng ký thường trú, Hưởng chế độ tử tuất/ Hỗ trợ chi phí mai táng/ Hưởng mai táng phí” trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng và thực hiện đảm bảo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019 và Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019.

- Đôn đốc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ động xây dựng hồ sơ công bố và niêm yết công khai các TTHC theo quy định; xác lập chuẩn hóa Danh mục TTHC, nhóm TTHC hiện hành áp dụng tại địa phương; đồng thời, chỉ đạo các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan rà soát, lựa chọn TTHC, TTHC liên thông để trình cấp thẩm quyền quyết định đưa vào vận hành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong thời gian tới;

- Vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC;

- Vận hành và khai thác Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính;

- Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC;

- Rà soát xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC; đánh giá tác động đối với TTHC trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC;

- Tiếp tục tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh đối với công tác cải cách TTHC; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến đúng theo

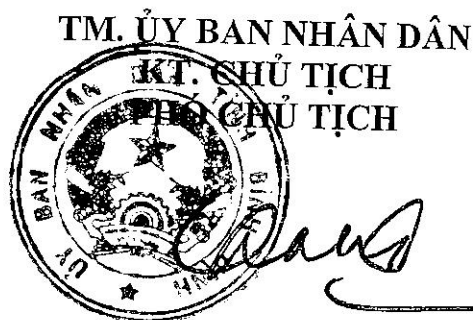
tỉnh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Tăng cường truyền thông công tác kiểm soát TTHC;
- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan công tác kiểm soát TTHC.

Trên đây là kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 và xác định phương hướng nhiệm vụ năm 2019, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Văn phòng Chính phủ và Cục Kiểm soát thủ tục hành chính./.

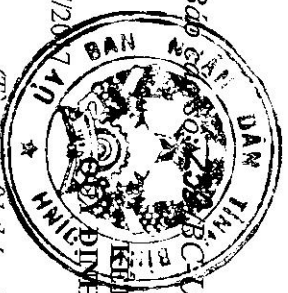
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC) (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT. BCĐ CCHC tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND cấp huyện;
- UBND cấp xã (do UBND cấp huyện cung cấp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.



Phan Cao Thắng

(Kèm theo Báo cáo UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Bình Định)



Biểu số 01b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017

Ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018

Phụ lục
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: năm 2018

Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTHC)

Đơn vị tính: TTTHC, Văn bản

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số			Phân loại TTTHC đã đánh giá tác động theo tên văn bản QPPL				Phân loại TTTHC đã đánh giá tác động về nội dung			
		TTTHC đã được ban hành	TTTHC đã được đánh giá tác động	VB QPPL quy định TTTHC đã được ban hành	Số TTTHC	Số VBQPPL	Số TTTHC	Số VBQPPL	Số TTTHC được quy định mới	Số TTTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTTHC được bãi bỏ, hủy bỏ	Số TTTHC
A			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Handwritten signature

Biểu số 02c/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02./2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH
TRONG CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI**

ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: năm 2018

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

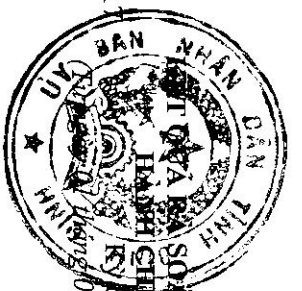
STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL				Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
				Dự thảo Quyết định của UBND					
		Số TTHC (1)	Số VB QPPL (2)	Số TTHC (3)	Số VB QPPL (4)	Số TTHC (5)	Số VB QPPL (6)		
	A	0	0	0	0	0	0		
	Tổng số								

Adian

[illegible]

Chad

Biểu số 04b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017



VIỆN QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC ĐƠN VỊ BÁO CÁO:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Đào cáo: năm 2018
năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTHC)
năm 2018)

Đơn vị tính: TTTHC/nhóm TTTHC, văn bản

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQPPL được rà soát	Tổng số	Chia ra			Số lượng VBQPPL được rà soát	Tổng số	Chia ra			
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm			Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh											
I	Sở Xây dựng					9	28	28	0	0		
1	Lĩnh vực xây dựng					4	17	17	0	0		
2	Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc					2	2	2	0	0		
3	Lĩnh vực hoạt động nhà ở và công sở					2	8	8	0	0		
4	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản					1	1	1	0	0		
II	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội					1	17	17	0	0		
	Lĩnh vực Người có công					2	17	17	0	0		
III	Sở Giao thông vận tải					23	23	23	0	0		
	Lĩnh vực đường bộ					15	15	15	0	0		
	Lĩnh vực đường thủy nội địa					8	8	8	0	0		
IV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					1	2	2	0	0		
	Lĩnh vực Lâm nghiệp					1	2	2	0	0		

V	Sở Văn hóa và Thể thao						2	3	3	0	0
	Lĩnh vực văn hóa công sở						1	2	2	0	0
	Lĩnh vực Điện ảnh						1	1	1	0	0
VI	Sở Công Thương						1	5	5	0	0
	Lĩnh vực Điện						1	5	5	0	0
VII	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh						2	5	5	0	0
	Lĩnh vực Xây dựng						2	5	5	0	0
	TỔNG CỘNG						39	83	83	0	0

Biểu số 05b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày
31/10/2017



Kỳ báo cáo: năm 2018
Số: 01/2018/ST-PAKN
ngày 01 tháng 12 năm 2018

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính										Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra			Đã xử lý				Đang xử lý					
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận	Tổng số	Chia ra						
				Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính			Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính					
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
Lao động, Thương binh và Xã hội	1	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1		

Handwritten signature

Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017



QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
ĐĂNG KÝ GIẢI QUYẾT TẠI ĐỊA PHƯƠNG
Đơn vị báo cáo: UBND cấp tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết				Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa					
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ đang giải quyết	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết	
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	125974	26679	32674	66621	120917	120599	318	5057	4965	92	100568	95229	318	5021
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết TTHC	8847	120	0	8727	8838	8838	0	9	9	0	8847	8838	0	9
1	Trồng trọt, bảo vệ thực vật	145	0	0	145	145	145	0	0	0	0	145	145	0	0
2	Lâm nghiệp	110	0	0	110	105	105	0	5	5	0	110	105	0	5
3	Thủy sản	8053	120	0	7933	8053	8053	0	0	0	0	8053	8053	0	0
4	Chăn nuôi, thú y	210	0	0	210	210	210	0	0	0	0	210	210	0	0
5	Quản lý chất lượng	329	0	0	329	325	325	0	4	4	0	329	325	0	4
II	Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết TTHC	6763	195	65	6503	6281	6144	137	482	409	73	6763	6144	137	482
1	Công chứng	8	0	0	8	8	8	0	0	0	0	8	8	0	0

2	Luật sư	1	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
3	Tư vấn pháp luật	2	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
4	Đầu giá tài sản	5	0	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
5	Lý lịch tư pháp	6747	195	65	6487	6265	6128	137	482	409	73	6747	6128	137	482	
III	Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết TTHC	1574	251	133	1190	1301	1301	0	273	273	0	1574	1301	0	273	
1	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị	164	67	10	87	152	152	0	12	12	0	164	152	0	12	
2	Lĩnh vực phát triển đô thị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực xây dựng	1396	184	122	1090	1135	1135	0	261	261	0	1396	1135	0	261	
4	Lĩnh vực quản lý nhà ở và công sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực kinh doanh BĐS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực vật liệu xây dựng	14	0	1	13	14	14	0	0	0	0	14	14	0	0	
IV	Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC	5687	5465	36	186	5651	5651	0	36	36	0	5687	5651	0	36	
1	Kê khai giá	2700	2700	0	0	2700	2700	0	0	0	0	2700	2700	0	0	
2	Cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách	39	39	0	0	39	39	0	0	0	0	39	39	0	0	
3	Cấp mã số đầu tư xây dựng cơ bản	2726	2726	0	0	2726	2726	0	0	0	0	2726	2726	0	0	
4	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành	222	0	36	186	186	186	0	36	36	0	222	186	0	36	
V	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận, giải quyết TTHC	7959	0	6731	1228	5553	5553	0	2406	2406	0	7959	5553	0	2406	
1	Lĩnh vực Người có công	7796	0	6588	1208	5393	5393	0	2403	2403	0	7796	5393	0	2403	
2	Lĩnh vực An toàn lao động	34	0	30	4	33	33	0	1	1	0	34	33	0	1	
3	Lĩnh vực Việc làm- Tiền lương - BHXH	129	0	113	16	127	127	0	2	2	0	129	127	0	2	

Chức vụ

VI	Số Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết TTHC	150	41	0	109	147	147	0	3	3	0	150	147	0	3
1	Lĩnh vực Bảo chí	10	01	0	09	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
2	Lĩnh vực Xuất bản, in, phát hành	131	40	0	91	128	128	0	3	3	0	131	128	0	3
3	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
4	Bưu chính	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
VII	Số Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết TTHC	65	0	0	65	65	65	0	0	0	0	65	65	0	0
1	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	39	0	0	39	39	39	0	0	0	0	39	39	0	0
2	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Giấy chứng nhận và chứng nhận lại đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ)	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
3	Lĩnh vực TC-DL-CL (Xét tặng giải thưởng quốc gia; Thủ tục Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu)	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
4	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả hoạt động KH&CN)	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0

Chữ

5	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Giấy chứng nhận hoạt động KH&CN)	3	0	0	3	3	3	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0
VIII	Sở Du lịch tiếp nhận, giải quyết TTHC	102	0	0	102	97	97	97	0	5	5	0	102	97	0	5	5
1	Về hoạt động lữ hành	73	0	0	73	68	68	68	0	5	5	0	73	68	0	5	5
2	Về lĩnh vực trên lĩnh vực khách sạn	29	0	0	29	29	29	29	0	0	0	0	29	29	0	0	0
IX	Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết TTHC	30808	157	813	29838	29700	29700	29700	0	1108	1108	0	30808	29700	0	1108	0
	Lĩnh vực đường bộ	18630	144	408	18078	18069	18069	18069	0	561	561	0	18630	18069	0	561	0
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	192	01	03	188	192	192	192	0	0	0	0	192	192	0	0	0
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô do thay đổi nội dung, hết hạn, bị mất hoặc hư hỏng.	16	1	0	15	16	16	16	0	0	0	0	16	16	0	0	0
3	Cấp, cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt, xe trung chuyển, xe nội bộ.	6272	129	0	6143	6258	6258	6258	0	14	14	0	6272	6258	0	14	0
4	Đăng ký khai thác tuyến.	63	0	2	61	61	61	61	0	2	2	0	61	59	0	2	0
5	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện.	683	11	0	672	682	682	682	0	1	1	0	683	682	0	1	0

Handwritten signature

6	Cấp, cấp lại Giấy phép xe tập lái.	380	0	0	380	380	380	0	0	0	380	380	0	0	
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng lần đầu.	100	0	1	99	96	96	0	4	4	0	100	96	0	4
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng bị mất	2	0	0	2	2	2	0	0		0	2	2	0	0
9	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
10	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
11	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.	20	0	0	20	17	17	0	3	3	0	20	17	0	3
12	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.	69	0	2	67	68	68	0	1	1	0	69	68	0	1
13	Cấp lại Giấy phép lái xe.	3416	0	372	3044	2929	2929	0	487	487	0	3416	2929	0	487
14	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	7163	2	28	7133	7115	7115	0	48	48	0	7163	7115	0	48
15	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
16	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
17	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp.	40	0	0	40	39	39	0	1	1	0	40	39	0	1

Nguyễn

18	Cấp phép thi công xây dựng biên quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
19	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán tải xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	74	0	0	74	74	74	74	0	0	0	0	0	0	0	74	74	0
20	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình giao thông	95	0	0	95	95	95	95	0	0	0	0	0	0	0	95	95	0
21	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác	19	0	0	19	19	19	19	0	0	0	0	0	0	0	19	19	0
22	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	11	0	0	11	11	11	11	0	0	0	0	0	0	0	11	11	0
23	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
24	Giả hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	2	0	0	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0

II	Lĩnh vực đường thủy nội địa	28	0	0	28	28	28	28	0	0	0	28	28	0	0
25	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	21	0	0	21	21	21	21	0	0	0	21	21	0	0
26	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	1	1	0	0
27	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	5	0	0	5	5	5	5	0	0	0	5	5	0	0
28	Xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	1	1	0	0
X	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết TTHC	19003	18160	11	832	18944	18944	0	59	59	0	19003	18944	0	59
	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo	442	57	0	385	383	383	0	59	59	0	442	383	0	59
1	Thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học	13	0	0	13	11	11	0	2	2	0	13	11	0	2
2	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
3	Cấp phép tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học	13	0	0	13	13	13	0	0	0	0	13	13	0	0
4	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	6	6	0	0	0	0	0	6	6	0	6	0	0	6
5	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	33	33	0	0	0	0	0	33	33	0	33	0	0	33
6	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia	15	15	0	0	0	0	0	15	15	0	15	0	0	15

7	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
8	Chuyên trường đổi với học sinh trung học phổ thông	319	0	0	319	319	319	0	0	0	319	0	319	0
9	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	15	0	0	15	15	15	0	0	0	15	0	15	0
10	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học	13	0	0	13	13	13	0	0	0	13	0	13	0
11	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dịch vụ tư vấn du học	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0
12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	8	0	0	8	8	8	0	0	0	8	0	8	0
13	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông	2	2	0	0	1	1	0	1	1	0	2	1	0
	Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh	18103	18103	0	0	18103	18103	0	0	0	18103	18103	0	0
1	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	17843	17843	0	0	17843	17843	0	0	0	17843	17843	0	0
2	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	258	258	0	0	258	258	0	0	0	258	258	0	0
3	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	2	2	0	0	2	2	0	0	0	2	2	0	0
III	Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ	458	0	11	447	458	458	0	0	0	458	458	0	0
1	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc	433	0	10	423	433	433	0	0	0	433	433	0	0
2	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ	25	0	1	24	25	25	0	0	0	25	25	0	0

XI	Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC	1584	1246	34	304	1576	1576	0	8	8	0	1584	1576	0	8
1	Vật liệu nổ công nghiệp	19	0	1	18	19	19	0	0	0	0	19	19	0	0
2	Xúc tiến thương mại	1310	1246	10	54	1310	1310	0	0	0	0	1310	1310	0	0
3	Lưu thông hàng hóa trong nước	199	0	23	176	194	194	0	5	5	0	199	194	0	5
4	Thép nhập khẩu	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
5	An toàn thực phẩm	21	0	0	21	20	20	0	1	1	0	21	20	0	1
6	Điện	16	0	0	16	15	15	0	1	1	0	16	15	0	1
7	Quản lý cạnh tranh	16	0	0	16	15	15	0	1	1	0	16	15	0	1
8	Công nghiệp tiêu dùng	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
9	Thương mại quốc tế	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
XII	Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận, giải quyết TTHC	650	0	0	650	650	650	0	0	0	0	650	650	0	0
1	Lĩnh vực văn hóa	642	0	0	642	642	642	0	0	0	0	642	642	0	0
2	Lĩnh vực thể thao	8	0	0	8	8	8	0	0	0	0	8	8	0	0
XIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC	6618	647	0	5971	6618	6618	0	0	0	0	6618	6618	0	0
1	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư	14	0	0	14	14	14	0	0	0	0	14	14	0	0
2	Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
3	Chấp thuận chủ trương đầu tư	39	0	0	39	39	39	0	0	0	0	39	39	0	0
4	Cấp chứng nhận đăng ký đầu tư của doanh nghiệp FDI	16	16	0	0	16	16	0	0	0	0	16	16	0	0
5	Điều chỉnh chứng nhận đăng ký đầu tư doanh nghiệp FDI	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0

Nguyễn

6	Tổng hợp thẩm định dự án đầu tư; thẩm định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	134	0	0	134	134	134	134	0	0	0	134	134	0	0
7	Thẩm định; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng	175	0	0	175	175	175	175	0	0	0	175	175	0	0
8	Thẩm định kế hoạch lựa chọn và thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	3	0	0	3	3	3	3	0	0	0	3	3	0	0
9	Đăng ký Doanh nghiệp	6230	630	0	5600	6230	6230	6230	0	0	0	6230	6230	0	0
XIV	Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	34	0	0	34	30	30	30	0	4	4	34	30	0	4
1	Hợp tác quốc tế	3	0	0	3	3	3	3	0	0	0	3	3	0	0
2	Lãnh sự và NVNONN	31	0	0	31	27	27	27	0	4	4	31	27	0	4
XV	Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết TTHC	6694	0	236	6458	6170	5992	178	524	505	19	6694	5992	178	524
1	Đất đai	6405	0	185	6220	5955	5792	163	450	441	9	6405	5792	163	450
2	Tài nguyên khoáng sản	98	0	19	79	74	59	15	24	14	10	98	59	15	24
3	Tài nguyên nước	64	0	12	52	55	55	0	09	09	0	64	55	0	9
4	Môi trường	127	0	20	107	86	86	0	41	41	0	127	86	0	41
XVI	Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết TTHC	1724	394	0	1330	1671	1671	0	53	53	0	1724	1671	0	53
1	Hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	1190	220	0	970	1165	1165	0	25	25	0	1190	1165	0	25
2	Hành nghề được	534	174	0	360	506	506	0	28	28	0	534	506	0	28
XVII	Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	1911	0	2	1909	1873	1870	3	38	38	0	1911	1870	3	38
1	Lĩnh vực Tổ chức nhà nước	165	0	0	0	138	137	1	27	27	0	165	137	1	27
2	Lĩnh vực Văn thư – Lưu trữ	1397	0	0	1397	1397	1397	0	0	0	0	1397	1397	0	0
3	Lĩnh vực Tôn giáo	58	0	02	56	48	46	2	10	10	0	58	46	2	10

4	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng	291	0	0	291	290	290	0	1	1	0	291	290	0	01
XVIII	Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	570	0	20	550	553	553	0	17	17	0	0	0	0	0
1	Tiếp công dân	15	0	0	15	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xử lý đơn	396	0	0	396	396	396	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Giải quyết khiếu nại	143	0	18	125	126	126	0	17	17	0	0	0	0	0
4	Giải quyết tố cáo	16	0	02	14	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0
XIX	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	395	0	0	395	382	382	0	13	13	0	395	382	0	13
1	Lĩnh vực QHXD	138	0	0	138	133	133	0	5	5	0	138	133	0	5
2	Lĩnh vực Đầu tư	96	0	0	96	90	90	0	6	6	0	96	90	0	6
3	Lap động việc làm	101	0	0	101	100	100	0	1	1	0	101	100	0	1
4	Tài nguyên, môi trường	60	0	0	60	59	59	0	1	1	0	60	59	0	1
XX	Cục thuế tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	24836	3	24593	240	24817	24817	0	19	19	0	0	0	0	0
1	Hồ sơ đăng ký thuế	2569	0	2569	0	2569	2569	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Hồ sơ khai thuế	14817	0	14817	0	14817	14817	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Hồ sơ quyết toán	2828	0	2828	0	2828	2828	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Hồ sơ hoàn thuế	500	3	497	0	481	481	0	19	19	0	0	0	0	0
5	Hồ sơ về hóa đơn	2763	0	2763	0	2763	2763	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Báo cáo	1119	0	1119	0	1119	1119	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hồ sơ khác	240	0	0	240	240	240	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (11 đơn vị cấp huyện)	129598	1011	2428	126159	124335	121323	3012	5263	4867	396	101050	92781	3012	5257
1	Lĩnh vực Tư pháp – hộ tịch	6877	0	1	6876	6873	6873	0	4	4	0	6707	6703	0	4
2	Lĩnh vực Chứng thực	12388	0	0	12388	12388	12388	0	0	0	0	12233	12233	0	0
3	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	45	0	1	44	41	41	0	4	4	0	40	36	0	4
4	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	6928	376	41	6511	6854	6793	61	74	74	0	6894	6759	61	74
5	Lĩnh vực Xây dựng	6665	0	106	6559	6511	6304	207	154	154	0	6639	6284	207	148

6	Lĩnh vực Tài chính – kế hoạch	501	0	0	0	501	475	475	0	26	26	0	501	475	0	26
7	Lĩnh vực LĐ-TB&XH	31123	635	0	0	30488	31117	31112	5	6	6	0	3134	3123	5	6
8	Lĩnh vực Đất đai	59104	0	2239	56865	54240	51578	2662	4864	4480	384	59104	51578	2662	4864	
9	Lĩnh vực môi trường	382	0	15	367	334	257	77	48	36	12	382	257	77	48	
10	Lĩnh vực Y tế	268	0	7	261	266	266	0	2	2	0	268	266	0	2	
11	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	203	0	0	0	203	203	203	0	0	0	0	34	34	0	0
12	Lĩnh vực Nội vụ	140	0	17	123	139	139	139	0	1	1	0	140	139	0	1
13	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
14	Công an	4477	0	0	0	4477	4398	4398	0	79	79	0	4477	4398	0	79
15	Lĩnh vực văn hóa cơ sở	24	0	0	0	24	24	24	0	0	0	0	24	24	0	0
16	Lĩnh vực khác	472	0	1	1	471	471	471	0	1	1	0	472	471	0	1
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (159 đơn vị cấp xã)	629288	6929	2007	620352	626733	626350	383	2555	2543	12	599490	596572	383	2535	
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch	437583	0	2	437581	437383	437383	0	200	200	0	416489	416289	0	200	
2	Chứng thực	86304	5726	0	80578	86304	86304	0	0	0	0	80578	80578	0	0	
3	Lĩnh vực Văn hóa và Xã hội	27490	0	63	27427	27101	27057	44	389	389	0	27409	26976	44	389	
4	Lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội	9507	103	53	9351	9471	9471	0	36	36	0	9035	9000	0	35	
5	Lĩnh vực Địa chính -Xây dựng	26470	170	1834	24466	24756	24468	288	1714	1702	12	26015	24032	288	1695	
6	Lĩnh vực Đất đai	1020	0	0	1020	920	872	48	100	100	0	1020	872	48	100	
7	Lĩnh vực nông lâm nghiệp	19	0	0	19	19	19	0	0	0	0	19	19	0	0	
8	Lĩnh vực Khiếu nại tố cáo	41	0	2	39	41	41	0	0	0	0	41	41	0	0	
9	Lĩnh vực Công an	30261	926	49	29286	30147	30144	3	114	114	0	28358	28241	3	114	
10	Lĩnh vực khác	10593	4	4	10585	10591	10591	0	2	2	0	10526	10524	0	2	
	Tổng cộng	884860	34619	37109	813132	871985	868272	3713	12875	12375	500	801108	784582	3713	12813	

Khu

Biểu số 06g/VP CP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày
31/10/2017



**QUẢ HẠN ĐỔI VỚI CÁC TRƯỜNG
C TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH**
Kỳ báo cáo: năm 2018
năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát
TTHC)

*** ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ QUẢ HẠN ĐÃ GIẢI QUYẾT**

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lĩnh vực Đất đai		dx163 dx4x241; dx2421 dx48	- Cấp tỉnh: 38 hồ sơ do cơ quan thuế phát hành thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm; 87 hồ sơ, người sử dụng đất chậm bổ sung hồ sơ, chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính; 26 hồ sơ, do cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, UBND cấp huyện xử: trả lời văn bản chậm; 09 hồ sơ, do Văn phòng ĐKDD giải quyết hồ sơ chậm; 03 hồ sơ do đơn vị chậm bổ sung hồ sơ. - Cấp huyện: trong 241 hồ sơ chậm do cơ quan thuế phát hành thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ; 2421 hồ sơ chậm do công tác xác nhận nguồn gốc đất tại địa phương thực hiện chậm, không đảm bảo được thời gian quy định; một số hồ sơ vướng chính sách giao đất chờ xin ý kiến của Sở Tài nguyên – Môi trường; một số trường hợp hộ dân chậm phối hợp trong công tác đo đạc, xác định ranh giới; một số trường hợp công dân chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính; số lượng hồ sơ nhiều, cần đo đạc lại do hiện trạng thửa đất thay đổi nên không làm kịp; công tác tham mưu chậm, chưa kịp thời. - Cấp xã: 48 hồ sơ chậm do thời gian xác nhận không đảm bảo để thực hiện, hầu hết hồ sơ không có giấy tờ, nguồn gốc phức tạp, lấn chiếm, tranh chấp... ngoài ra trên địa bàn phường, xã có rất nhiều dự án đang triển khai, số lượng công chức địa chính - xây dựng chưa tương xứng để thực hiện nhiệm vụ đúng theo thời gian quy định; công tác tham mưu chậm, chưa kịp thời.

2	Lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản		dx15	Cấp tỉnh: 03 hồ sơ do chưa bố trí được lịch họp Hội đồng tính tiền cấp quyền KTKS, thời gian giải quyết TTHC ngắn (10 ngày); 05 hồ sơ, doanh nghiệp chậm chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng thẩm định; 02 hồ sơ trình Bộ TN&MT bàn giao khu vực phân tán nhỏ lẻ; 04 hồ sơ do doanh nghiệp chậm kê khai tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, chậm nộp tiền cấp quyền; 01 hồ sơ chậm bổ sung hồ sơ phê duyệt môi trường.
3	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp		a4x90, dx47	Cấp tỉnh: Trong 137 hồ sơ LLTP trễ hạn có 47 hồ sơ có án tích, 40 hồ sơ do cơ quan thẩm tra chậm trả kết quả, 50 hồ sơ do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia chậm trả kết quả xác minh.
4	Lĩnh vực Xây dựng		dx207 a4x7, 281xd	Cấp huyện: 05 hồ sơ chậm do công dân bổ sung hồ sơ chậm, 202 hồ sơ chậm do Bộ phận chuyên môn chuyển trả kết quả chậm so với thời gian quy định. Cấp xã: 07 hồ sơ chậm do công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ; 281 chậm do thời gian xác nhận chỉ có 5 ngày không đảm bảo để thực hiện, hầu hết hồ sơ không có giấy tờ nguồn gốc phức tạp, lấn chiếm, tranh chấp... ngoài ra trên địa bàn phường, xã có rất nhiều dự án đang triển khai nhưng nhân lực chưa tương xứng để giải quyết công việc.
5	Lĩnh vực Môi trường		a4x31, dx46	Cấp huyện: 31 hồ sơ chậm do công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ; 39 hồ sơ chậm do công tác tham mưu chậm, 07 hồ sơ chậm do công dân bổ sung hồ sơ chậm.
6	Lĩnh vực Văn hóa – Xã hội		dx44	Cấp xã: Do số lượng hồ sơ nhiều, cán bộ chuyên trách ít nên ảnh hưởng đến tiến độ công việc.
7	Lĩnh vực Tổ chức nhà nước		dx1	Cấp tỉnh: 01 hồ sơ chậm do chưa kịp thời cập nhật lên hệ thống phần mềm.
8	Lĩnh vực Tôn giáo		dx2	Cấp tỉnh: 02 hồ sơ chậm do chưa kịp thời cập nhật lên hệ thống phần mềm.

Nguyễn
27

9	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		a4x35, dx26	Cấp huyện: 35 hồ sơ chậm do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ, 26 hồ sơ chậm do công tác tham mưu chậm, do công dân chậm bổ sung hồ sơ.
10	Lĩnh vực Lao động – Thương binh và xã hội		dx5	Cấp huyện: 05 hồ sơ chậm do chưa thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa cấp huyện với cấp tỉnh.
11	Lĩnh vực Công an		dx3	-Cấp xã: 03 hồ sơ chậm do công dân bỏ sung hồ sơ muộn.
	Tổng số:	3713	a4x404, dx3309	

*** ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ QUÁ HẠN ĐANG GIẢI QUYẾT**

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Chi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản		dx10	Cấp tỉnh: 03 hồ sơ chậm do không bố trí được lịch họp Hội đồng tỉnh tiên cấp quyền KTKS; 01 hồ sơ chậm bổ sung hồ sơ môi trường; 01 hồ sơ trình Bộ TNMT bàn giao khu vực phân tán nhỏ lẻ; 01 hồ sơ doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ về tài chính; 02 hồ sơ Hội đồng chưa thông nhất cách tính tiền; 02 hồ sơ chưa nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2	Lĩnh vực Môi trường		dx12	Cấp huyện: Do công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ; công tác tham mưu chậm.
3	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp		a4x60, dx13	Cấp tỉnh: 13 hồ sơ LLTP nghi có án tích, 15 hồ sơ cơ quan thẩm tra cần thêm thời gian xác minh, 45 hồ sơ do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia chậm trả kết quả xác minh.
4	Lĩnh vực Địa chính – xây dựng		dx12	Cấp xã: 12 hồ sơ chậm do liên quan thời gian xác nhận nguồn gốc đất.

Chức

5	Lĩnh vực Đất đai	dx9	- Cấp tỉnh: 01 hồ sơ thuê đất khai thác đá làm VLXD thông thường của Công ty TNHH ĐT XD và TMDV Yến Tùng; chi cục đã có Công văn 999/CCQLĐ Đ-QHGD ngày 19/10/2018 đề nghị chuyển mục đích đất rừng sang khai thác đá; 01 hồ sơ thuê đất khai thác đá Granite ốp lát của Công ty TNHH Hoàn Cầu Granite; đơn vị chưa nộp tiền thuê đất; 01 hồ sơ thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất gạch Tuynen của Công ty TNHH Gạch Ân Phú; chưa thống nhất về thời hạn cho thuê đất đối với doanh nghiệp; 03 hồ sơ giao đất KDC xã Tây Vinh, Tây An, Tây Bình; Chi cục có Công văn số 514/CCQLĐĐ-QHGD ngày 21/6/2018 yêu cầu bổ sung quy hoạch chi tiết của UBND huyện Tây Sơn, đến nay chưa bổ sung; 01 hồ sơ thuê đất xây dựng nhà xưởng sơ chế đá và nhà tập thể cho công nhân của Công ty CP SX đá Granite Phú Minh Trọng; chuyển VPĐKĐĐ trích lục ngày 5/10/2018 ngày 4/12/2018 VPĐKĐĐ tỉnh có Văn bản 1573/VPĐK-KTĐC với nội dung người chuyển nhượng QSDĐ và Công ty Phú Minh Trọng chưa thống nhất ranh giới tại thực địa nên ko đo đạc được; 01 hồ sơ xin giao đất xây dựng dự án Nhà ở xã hội-chung cư Hoàng Văn Thụ của Công ty TNHH Trainco BD; đã có Tờ trình số 1028/TTr-STNMT ngày 7/12/2018; 01 hồ sơ thuê đất đầu tư xây dựng dự án Điểm bến tàu du lịch biển và sinh thái của Công ty TNHH TM KS Tấn Phát; Sở có Tờ trình số 1006/TTr-STNMT ngày 27/11/2018, ngày 6/12/2018 UBND tỉnh có văn bản số 7629/UBND-KT giao cho Sở rà soát lại các dự án..
		dx384	- Cấp huyện: 384 hồ sơ chậm do tham mưu xác nhận nguồn gốc đất, hồ sơ phải xác minh nhiều lần; vướng mắt xin ý kiến tỉnh; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt; cơ quan thông báo thuế chậm; số lượng hồ sơ nhiều, cần đo đạc lại do hiện trạng thừa đất thay đổi nên không đảm bảo thời gian quy định; một số trường hợp công dân chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính
	Tổng số:	500	a4x60, dx440

Khanh

II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUẢ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

1. a4x464:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc
(1)	(2)	(3)
1	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ
2	Lĩnh vực Đất đai	do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ
3	Lĩnh vực Xây dựng	do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ
4	Lĩnh vực Môi trường	do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ
5	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ

Handwritten signature